

Bản án số: 731/2024/HS-PT
Ngày 11 tháng 9 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Bà Đặng Thị Thom.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H; Tòa
án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý
số 886/2024/TLPT-HS ngày 31 tháng 7 năm 2024 do có kháng cáo của các bị
cáo Lê Thế A, Đồng Quang T, Trần Khánh D và Nguyễn Khánh D1 đối với Bản
án hình sự sơ thẩm số 121/2024/HS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân
thành phố H.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thế A, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2007 tại H (đến ngày thực hiện
hành vi phạm tội bị cáo 15 tuổi 11 tháng 27 ngày); nơi ĐKKHKT: Số 01/28 tổ
10 đường Tiền Phong, phường Đ, quận H1, thành phố H; nơi ở hiện tại: Ngách
09/36 đường Đ, phường Đ, quận H1, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do;
trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc
tịch: Việt Nam; con ông Lê Anh D2 và bà Bùi Thị N; chưa có vợ, con; tiền án,
tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 194/2021/HS-ST ngày 15/12/2021 của Tòa
án nhân dân Quận N1, thành phố H xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án
treo về tội Cướp giật tài sản, khi phạm tội được 14 tuổi 01 tháng 26 ngày
(Không coi là án tích); bị bắt tạm giam ngày 24/8/2023. Có mặt.

2. Đồng Quang T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2006 tại H (đến ngày thực
hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 07 tháng 11 ngày); nơi ĐKKHKT: Số
06/2/456 đường L, phường Đ1, Quận N1, thành phố H; nơi ở hiện tại: Số 24/193

khu Kiều Sơn, phường Đ2, quận H1, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn Q và bà Phạm Thị T1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/10/2022 bị Công an huyện C, thành phố H xử phạt Cảnh cáo về hành vi Gây mất trật tự công cộng (Được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính); Ngày 18/10/2023 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H1, thành phố H khởi tố bị can về tội Gây rối trật tự công cộng, quy định tại Điều 318 Bộ luật Hình sự; Ngày 15/12/2023 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H khởi tố bổ sung tội Huỷ hoại tài sản (Gây án ngày 14/7/2023); bị bắt tạm giam ngày 24/8/2023. Có mặt.

3. Trần Khánh D, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2004 tại H, nơi cư trú: Số 12/7/128 đường An Đà, phường Đ1, Quận N1, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quý D3 và bà Ngô Mai T2; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định số 41/QĐ-XPHC ngày 31/3/2023 của Công an quận H1, thành phố H xử phạt 6.500.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/01/2024. Có mặt.

4. Nguyễn Khánh D1, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2004 tại H, nơi cư trú: Số 06/19/54 đường Nguyễn Bình Khiêm, phường L, Quận N1, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị T3; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định số 39/QĐ-XPHC ngày 31/3/2023 của Công an quận H1, thành phố H xử phạt 6.000.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/01/2024. Có mặt.

Người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Thế A:*

+ Ông Lê Anh D2, sinh năm 1980; địa chỉ: Ngách 9/36 đường Đ, phường Đ, quận H1, thành phố H. Có mặt.

+ Bà Bùi Thị N, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 01/28, tổ 10, đường Tiền Phong, phường Đ, quận H1, thành phố H. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thế A:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thư - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đồng Quang T:* Ông Đồng Văn Q, sinh năm 1973 và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: Số 24/193 khu Kiều Sơn, phường Đ2, quận H1, thành phố H. Có mặt bà Tươi, vắng mặt ông Q.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đồng Quang T:* Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông Lương Mạnh C1, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1975, nơi cư trú: Thôn C2, xã A1, huyện D4, thành phố H (là bố mẹ đẻ của bị hại). Đều có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Ngô Đức H2, Hoàng Gia B, Trần Hoàng A2; người đại diện hợp pháp của các bị cáo trên không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/5/2023, Nguyễn Gia H3 (tức H3 Bé), sinh ngày 08/9/2007 trú tại số 04/158 phố Cẩm, phường G, quận N1, thành phố H liên lạc với Lê Thế A, Trần Khánh D (còn gọi là D) và một số người khác rủ đi đánh nhau với anh Lương Mạnh T4, sinh năm 2005, trú tại: Thôn C2, xã A1, huyện A3 vì H3 Bé nghi ngờ anh T4 là người gây sự đui đánh nhóm D tại khu vực vòng xuyên Bùi Viện thuộc quận H1, thành phố H và cũng là người đã đánh nhau với anh họ của Huy Bé trên đường Lê Hồng Phong vào tối ngày 15/5/2023. Một số người sau khi nhận được tin nhắn của H3 Bé đã rủ thêm những người bạn khác của mình cùng tham gia, cả nhóm hẹn tập trung tại khu vực cổng Bùi Viện. Khoảng 21 giờ ngày 16/5/2023, H3 Bé, Lê Thế A, Đồng Quang T, D, Nguyễn Khánh D1 (còn gọi là Nguyễn D1), Ngô Đức H2, Hoàng Gia B, Trần Hoàng A2 và một số người khác, trong đó có Ngô Doãn D5, sinh ngày 17/8/2007 trú tại số 04 Cát Bi, quận H1, thành phố H và các đối tượng Đỗ T5, Anh T6 cùng 02 nam giới đi xe mô tô, nhãn hiệu Vision màu xám không rõ biển kiểm soát (hiện chưa xác định được căn cước, lai lịch) lần lượt đi đến địa điểm tập trung. Thế A và Quang T đến khu vực bãi đất trống, gần khu tái định cư Bạch Mai, xã Đ3, huyện A3 (gọi là Sân trắng) lấy 02 thanh kiếm (dạng kiếm nhật và kiếm gập); Hoàng A2 đem theo 02 thanh đao; Nguyễn D1 đem đến 02 thanh tuýp sắt, một đầu vát nhọn đến địa điểm tập trung, đưa cho Gia B và Đức H2 mỗi người 01 thanh. Cả bọn bắt đầu xuất phát từ khu vực cổng Bùi Viện trên phương tiện là 06 xe mô tô với 13 người, cụ thể: Quang T điều khiển mô tô, nhãn hiệu Airblade BKS 15R1-011.48 chở Thế A cầm theo 01 thanh kiếm (kiếm nhật); Đỗ T5 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu vàng đen (không rõ biển kiểm soát) chở H3 Bé ngồi giữa, Anh T6 ngồi phía sau, mỗi người cầm theo 01 thanh kiếm; Doãn D5 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SH mode, BKS 15R1- 019.94 chở Hoàng A2 cầm theo 02 thanh đao; D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu xanh (không rõ

biển kiểm soát) chở Đức H2 ngồi sau cầm giáo chọc; Nguyễn D1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Airblade, BKS 15B1- 003.89 chở Gia B ngồi sau cầm giáo chọc; Xe mô tô nhãn hiệu Vision chở 02 nam giới không mang theo hung khí gì. Trước khi đi, cả nhóm thống nhất che toàn bộ biển số xe mô tô và bịt mặt bằng khẩu trang để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Cả nhóm cùng nhau đi trên tuyến đường Bùi Viện - Võ Nguyên Giáp - Nguyễn Văn Linh - Đường 208 - Đường 351 thuộc địa bàn các quận H1, Lê Chân và huyện A3. Khi cả nhóm đang di chuyển trên Đường 351 theo hướng từ thị trấn A3 đi quận K, đến khu vực trước cửa nhà số 18 Đường 351 thì phát hiện thấy nhóm của anh T4 gồm 04 người đi 02 xe mô tô đang di chuyển theo hướng ngược lại, trong đó anh T4 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh đen, không đeo biển kiểm soát chở Nguyễn Phú T7, sinh ngày 31/10/2009 trú tại xã T8, huyện T9. Xe mô tô còn lại do anh Trương Tuấn H4, sinh ngày 12/8/2006 trú tại thôn T10, xã A4, huyện T9, thành phố H chở bạn gái là Trần Ngọc L1, sinh ngày 30/11/2005 trú tại số 13/174 đường Hạ Lý, phường H5, quận H1, thành phố H. Ngay lập tức, H3 Bé hô hoán cả bọn quay xe đuổi theo nhóm anh T4. Xe của Quang T chở Thế A chạy trước, bám đuôi sát theo phía sau xe của nhóm anh T4 với tốc độ cao được khoảng 02km, đến khu vực cổng Công ty TNHH Đầu tư thương mại xây dựng và dịch vụ Nam Sơn thuộc địa phận thôn Q1, xã N1, huyện A3 thì đuổi kịp, Quang T cho xe áp sát, ép xe mô tô của anh T4 sát vào vỉa hè bên phải theo chiều đi. Lúc này, Thế A ngồi sau vung kiếm chém 01 nhát về phía T7, nhưng không trúng do T7 tránh được, xe mô tô của anh T4 bị mất lái, lao lên vỉa hè và chạm vào cột biển báo giao thông, cả hai đều bị ngã văng ra khỏi xe làm T4 bị chết. Thấy vậy, Quang T tiếp tục điều khiển xe mô tô chở Thế A rời đi trên tuyến Đường 351 về hướng Quán Toan. Các xe mô tô còn lại bên nhóm H3 Bé chạy phía sau, do phải tránh các phương tiện tham gia giao thông khác nên không theo kịp xe của Quang T. Sau khi xảy ra sự việc xe của anh T4 gặp nạn, cả nhóm đi đến nơi và nhìn thấy anh T4 nằm bất động tại hiện trường, còn T7 đang đứng gần đó. Nhóm H3 Bé tiếp tục đi về phía trước được một đoạn thì gặp Quang T và Thế A, cả bọn cùng nhau quay xe di chuyển về hướng thị trấn A3, huyện A3, trên đường đi Thế A nói với cả nhóm về việc đã dùng kiếm chém người bên nhóm T4 làm cho xe của T4 đâm trúng cột biển báo giao thông, bị chết. Cả nhóm cùng nhau về đến khu vực Sân trắng thì bàn bạc nhau xóa toàn bộ tin nhắn liên quan và thống nhất nếu bị Công an phát hiện thì không được khai ra nhau. Sau đó cả nhóm đem vứt bỏ toàn bộ hung khí, đến nay Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Cùng ngày 16/5/2023, Nguyễn Phú T7 giao nộp tại Công an huyện A3 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave không có biển kiểm soát được xác định là xe mô tô mà anh Lương Mạnh T4 đã điều khiển hôm xảy ra vụ án. Ngày

29/5/2023, D giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS (Bút lục 230-232).

Tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định: Đoạn đường xảy ra tai nạn là đường tỉnh lộ 351 phía trước cổng Công ty TNHH Đầu tư thương mại xây dựng và dịch vụ N1. Tại hiện trường đã ghi nhận một số dấu vết cày xước không liên tục trên nền đường và mép vỉa hè bên phải theo hướng từ thị trấn A3 đi phường Quán Toan, quận H1. Trong đó dấu vết cày xước trên mép vỉa hè dài 12,2m, rộng trung bình 0,5cm, điểm đầu và điểm cuối cách mép đường lần lượt là 09cm và 05cm, cách cột biển báo giao thông (điểm mốc) lần lượt là 12,3m và 1,05m. Các dấu vết cày xước mặt đường có dạng song song với nhau dài 8,8m, rộng 0,68m. Vết ngoài cùng trùng với mép đường, điểm đầu và điểm cuối dấu vết này cách cột biển báo giao thông lần lượt là 3,2m và 13,2m. Trong diện vết cày xước này có 01 bàn để chân xe mô tô bằng kim loại bọc cao su màu đen, kích thước 11x2,cm. Tại khu vực dưới chân cột biển báo giao thông có đám tạp chất màu nâu đỏ (nghi máu) dạng nhỏ giọt, văng bắn và 03 chiếc dép đã qua sử dụng nằm trong diện 2,8x1,6m. Tâm diện này cách cột biển báo 0,7m, cách mép đường 1,9m. Cơ quan điều tra thu giữ 03 chiếc dép, 01 bàn để chân xe mô tô và dữ liệu hình ảnh ghi lại từ camera phía trước nhà số 532 đường 351 và Công ty Cổ phần Nhật Tiến ở số 524 đường 351 thôn Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện A3, thành phố H (Bút lục 31-33; 222-223; 225-226).

Kết quả khám nghiệm phương tiện là chiếc xe mô tô do anh Lương Mạnh T4 điều khiển hôm xảy ra vụ án, đã ghi nhận: Đèn tín hiệu phía trước bên phải và ốp nhựa đầu xe đều bị vỡ khuyết và có dấu vết trượt xước. Phía bên phải của các bộ phận, gồm: Đầu tay lái, đầu tay phanh, chắn bùn bánh trước, đầu bu lông bên phải trục trước, lốp xe phía trước, cạnh ngoài chân phanh, mặt ngoài bảo vệ ống xả, cạnh ngoài tay dắt phía sau, cạnh dưới trục giá đỡ chân phía trước, cạnh dưới trục dàn phanh, giá đỡ chân phía trước, giá đỡ chân phía sau đều có dấu vết mài xước với nhiều kích thước khác nhau. Trong đó giá đỡ chân phía trước bên phải bị đẩy cong từ trước về sau, giá đỡ chân phía sau bên phải bị gãy, không còn phần đỡ chân (Bút lục 65).

Tại Biên bản khám nghiệm tử thi và bản Kết luận giám định tử thi số 170/KLGD-KTHS(PY) ngày 25/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố H, kết luận: Nạn nhân Lương Mạnh T4 có 01 vết thương ở vị trí bờ hàm dưới bên trái. Vết này có đặc điểm dạng mài trượt, dập rách da kích thước 3,5cmx0,5cm. Bờ mép không gọn, sâu 01cm, sát xương hàm dưới. Nhiều vết thương xây xước, xung nề, trợt da tại mặt trước vai và nền cổ phải, vùng cằm phải, mặt trước mồm vai phải, mặt sau trên và dưới khuỷu tay phải đến mu bàn tay bên phải, mặt trước nếp lằn cổ tay trái, mặt trước ngoài gối trái và mu bàn chân trái, mặt ngoài mông phải, xung quanh gối và mắt cá ngoài chân phải. Gãy di lệch xương cột sống cổ đốt 4,5,6; Tràn khí dưới da vùng nền cổ trái; Dập vỡ

xương hàm dưới bên trái; Dập gãy xương bả vai hai bên. Nguyên nhân chết do sốc đa chấn thương. Kết quả phân tích ngày 25/5/2023 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: Không tìm thấy Ethanol (cồn), các chất kích thích và trấn áp thần kinh thường gặp trong mẫu máu của Lương Mạnh T4 (Bút lục 45-46, 79, 81).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2024/HS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 38, 58, 91, 101 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Thế A, Đồng Quang T;

Áp dụng thêm các Điều 55, 56 và khoản 5 Điều 65, Điều 104 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thế A.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Khánh D, Nguyễn Khánh D1;

Tuyên bố:

- Các bị cáo Lê Thế A, Đồng Quang T phạm tội “Giết người”.

- Các bị cáo Trần Khánh D, Nguyễn Khánh D1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt:

- Bị cáo Lê Thế A 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù tại Bản án số 194/2021/HS-ST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân Quận N1, buộc bị cáo Lê Thế A phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 (mười) năm tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 8 năm 2023.

- Bị cáo Đồng Quang T 11 (mười một) năm tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 8 năm 2023.

- Bị cáo Trần Khánh D 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

- Bị cáo Nguyễn Khánh D1 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác trong vụ án, quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, lần lượt trong các ngày 24/6/2024, 27/6/2024, 01/7/2024 và 05/7/2024; các bị cáo Đồng Quang T, Nguyễn Khánh D1, Lê Thế A và Trần Khánh D đều có kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo đều giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đồng thời khai nhận hành vi phạm tội như toà án cấp sơ thẩm đã quy kết. Các bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo dưới 18 tuổi đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/8/2024 gia đình các bị cáo Lê Thế A, Đồng Quang T đã thực hiện xong việc bồi thường thiệt hại cho bị hại nên đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Lê Thế A và Đồng Quang T để các bị cáo sớm được trở về cùng gia đình và xã hội.

Người bào chữa cho các bị cáo Lê Thế A và Đồng Quang T, không có ý kiến tranh luận gì với bản kết luận của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Quá trình điều tra, truy tố, xét các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn hối cải, gia đình các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho đại diện hợp pháp của bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo với mức án thấp hơn mức đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thấy rằng:

Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luận định, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2024/HS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định về tội danh và áp dụng điều luật để quyết định hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người đúng tội, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

Xét kháng cáo của các bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt: Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét và quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ phù hợp với tính chất hậu quả do hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

- Đối với các bị cáo Trần Khánh D, Nguyễn Khánh D1, Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều không xuất trình tài liệu chứng cứ gì mới cho nội dung kháng cáo. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 BLTTHS không chấp nhận

nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Trần Khánh D và Nguyễn Khánh D1.

- Đối với các bị cáo Lê Thế A và Đồng Quang T:

Xét thấy các bị cáo Lê Thế A, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2007 (*đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 tuổi 11 tháng 27 ngày*), bị cáo Đồng Quang T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2006 (*đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 07 tháng 11 ngày*);

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm gia đình các bị cáo là ông Lê Anh D2 và bà Phạm Thị T1 là đại diện hợp pháp của các bị cáo đã cung cấp thêm tài liệu chứng cứ (gia đình các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại) cho đại diện hợp pháp của bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại cũng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới của các bị cáo.

Xét thấy khi phạm tội bị cáo Lê Thế A là người dưới 16 tuổi, bị cáo Đồng Quang T là người dưới 18 tuổi nên cần có mức hình phạt tù phù hợp để cải tạo giáo dục bị cáo. Do vậy có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo Lê Thế A và Đồng Quang T. Đề nghị HĐXX phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thế A, Đồng Quang T, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo Lê Thế A từ 01 đến 02 năm tù, giảm hình phạt cho bị cáo Đồng Quang T từ 06 tháng đến 01 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Khánh D, Nguyễn Khánh D1, đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Thế A, Đồng Quang T được coi là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Cơ quan tiến hành tố tụng, người thi hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo về việc xin giảm hình phạt, HĐXX phúc thẩm nhận thấy:

[2.1]. Về tội danh, tình tiết định khung:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có liên quan và các vật chứng đã thu giữ, có đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện như sau: Tội ngày 16/5/2023, các bị cáo Lê Thế A, Đồng Quang T, Trần Khánh D, Nguyễn Khánh D1, Ngô Đức H2, Hoàng Gia B, Trần Hoàng A2 cùng với Nguyễn Gia H3 (H3 Bé), Ngô Doãn D5 và 04 người khác (chưa xác định được căn cước lai lịch) tụ tập cùng nhau thực hiện hành vi sử dụng phương tiện là các xe mô tô, mang theo nhiều loại hung khí nguy hiểm (tuýp sắt vát nhọn một đầu, dao, kiếm) di chuyển trên nhiều tuyến đường phố thuộc địa bàn các quận H1, Lê Chân và huyện A3 nhằm mục đích tìm đánh anh Lương Mạnh T4 vì nghi ngờ anh T4 là người có mâu thuẫn với một số thành viên và người quen trong nhóm mình. Sau khi gặp nhóm của anh T4 gồm 04 người đi trên phương tiện là 02 xe mô tô ở khu vực trước cửa số nhà 18 đường 351 thuộc thị trấn A3, huyện A3, cả nhóm ngay lập tức truy đuổi theo xe mô tô của anh T4 lúc đó đang chở Nguyễn Phú T7 phía sau. Tài liệu điều tra đã xác định được, quá trình rượt đuổi theo xe của anh T4, xe của Quang T chở Thế A tách rời khỏi nhóm, liên tục bám đuổi theo với tốc độ cao, đến khi đuổi kịp thì Quang T đã điều khiển xe áp sát, ép xe của anh T4 vào vỉa hè bên phải theo chiều đi, Thế A vung kiếm chém về phía Nguyễn Phú T7, do T7 nghiêng người về bên phải để tránh nhát chém của Thế A đã gây hậu quả xe của anh T4 bị mất lái lao lên vỉa hè, va chạm với cột biển báo giao thông, làm cho anh T4 và T7 cùng ngã ra đường và anh T4 bị chết. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Thế A khai nhận hành vi cầm kiếm, ngồi sau xe do bị cáo Tú điều khiển đuổi theo xe do anh Lương Mạnh T4 chở Nguyễn Phú T7. Tuy nhiên, bị cáo không thừa nhận hành vi dùng kiếm chém về phía xe do anh T4 điều khiển. Căn cứ lời khai của người làm chứng là Nguyễn Phú T7, Ngô Doãn D5, Trương Tuấn H4 và lời thú nhận của bị cáo Thế A với đồng bọn đã có đủ căn cứ xác định: Trong lúc bị cáo Tú điều khiển xe truy đuổi, áp sát xe do anh T4 điều khiển, bị cáo Thế A đã có hành vi sử dụng kiếm mang theo chém một nhát về phía Nguyễn Phú T7 đang ngồi sau xe do anh T4 điều khiển.

Hành vi của các bị cáo Lê Thế A và Đồng Quang T điều khiển xe với tốc độ cao, áp sát xe đồng thời dùng kiếm chém đã gây nên hậu quả xe do anh Lương Mạnh T4 điều khiển chở Nguyễn Phú T7 mất lái đâm lên vỉa hè va chạm với cột biển báo giao thông, hậu quả do hành vi của các bị cáo đã gây nên cái chết của anh T4. Theo các bị cáo khai tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa về nguyên nhân dẫn đến việc các bị cáo chuẩn bị sẵn hung khí tìm đuổi anh Lương Mạnh T4 là do trước đó giữa nhóm của anh T4 có xô xát với một số đối tượng thuộc nhóm của các bị cáo. Tuy nhiên, việc xô xát chưa gây hậu quả, giữa các bên mâu thuẫn có nhiều giải pháp để giải quyết mâu thuẫn nhưng các bị cáo không lựa

chọn mà lại lựa chọn phương thức dùng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn.

Mặc dù các bị cáo không có mục đích giết người, nhưng các bị cáo nhận thức được hành vi điều khiển xe với tốc độ cao truy đuổi, đồng thời dùng kiếm chém về phía bị hại là hành vi nguy hiểm có thể gây hậu quả chết người. Mặt khác, giữa bị cáo Thế A và Tú không có mâu thuẫn với anh T4. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ, coi thường tính mạng người khác, sẵn sàng giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực.

Hành vi đó của các bị cáo Lê Thế A và Đồng Quang T đã phạm tội “Giết người” và phải chịu tình tiết định khung hình phạt “Có tính chất côn đồ”.

Do đó, Toà án nhân dân thành phố H quy kết các bị cáo Lê Thế A và Đồng Văn Tú về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Các bị cáo Trần Khánh D, Nguyễn Khánh D1 và các bị cáo khác (không có kháng cáo) đều có hành vi sử dụng xe máy cầm theo dao, kiếm, giáo sát đuổi theo anh Lương Mạnh T4. Tuy nhiên việc xe mô tô do anh T4 điều khiển lao lên vỉa hè va vào cột biển báo giao thông gây ra cái chết của anh T4 không xuất phát từ nguyên nhân anh T4 điều khiển xe chạy khỏi sự truy đuổi của các bị cáo mà do hành vi ép xe và dùng kiếm chém của các bị cáo Lê Thế A và Đồng Quang T.

Do vậy, hành vi sử dụng xe mô tô cầm theo hung khí chạy tốc độ cao trên đường của các bị cáo đã gây mất trật tự, an toàn giao thông, gây ảnh hưởng đến trật tự công cộng. Công cụ mà các bị cáo mang theo khi thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng là kiếm, dao, giáo chọc. Đây được xác định là các loại hung khí nguy hiểm.

Hành vi của các bị cáo thỏa mãn yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” và phải chịu tình tiết định khung hình phạt “Sử dụng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Do vậy, Toà án nhân dân thành phố H quy kết các bị cáo Trần Khánh D, Nguyễn Khánh D1 cùng với các bị cáo khác về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 58, 91, 101 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Thế A, Đồng Quang T;

Áp dụng thêm các Điều 55, 56 và khoản 5 Điều 65, Điều 104 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thế A.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Khánh D, Nguyễn Khánh D1;

Xử phạt: Bị cáo Lê Thế A 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Bị cáo Đồng Quang T 11 (mười một) năm tù. Bị cáo Trần Khánh D 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Bị cáo Nguyễn Khánh D1 48 (bốn mươi tám) tháng tù, là phù hợp với tính chất hậu quả vai trò của từng bị cáo trong vụ án, đúng người, đúng tội không oan sai.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

- Đối với bị cáo Lê Thế A sinh ngày 19 tháng 5 năm 2007 (*đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 tuổi 11 tháng 27 ngày*) là người dưới 16 tuổi, bị cáo **Đồng Quang T**, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2006 (*đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 07 tháng 11 ngày*) là người dưới 18 tuổi, nên cũng cần áp dụng Điều 91, 101 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Thế A, Đồng Quang T, khi quyết định về phần hình phạt.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, ngày 12/8/2024 gia đình các bị cáo Lê Thế A, Đồng Quang T đã thực hiện xong việc bồi thường thiệt hại cho bị hại và được gia đình bị hại đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Lê Thế A và Đồng Quang T. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới của các bị cáo.

Xét thấy các bị cáo đều là người chưa thành niên, nhận thức về xã hội và pháp luật có phần hạn chế nên cần có mức hình phạt tù phù hợp để cải tạo giáo dục bị cáo.

Do vậy cần chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Thế A và Đồng Quang T. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên toà, của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo là có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên cũng cần cân nhắc khi quyết định mức hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Khánh D và Nguyễn Khánh D1. Mặc dù các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo. Tuy nhiên để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Do vậy, cũng cần xem xét chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo Trần Khánh D và Nguyễn Khánh D1.

Về tổng hợp hình phạt:

Tại Bản án số 194/2021/HS-ST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân

Quận N1 xử phạt bị cáo Lê Thế A 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 16/5/2023. Như vậy, bị cáo đã phạm tội trong thời gian thử thách. Do vậy, hình phạt tù 18 tháng cho hưởng án treo của bị cáo Lê Thế A được chuyển thành tù giam và tổng hợp với hình phạt của bản án mới. Do vậy căn cứ theo quy định tại Điều 56 BLHS cần phải tổng hợp hình phạt chung của cả hai bản án đối bị cáo Lê Thế A.

Tại công văn số 85/TA-HB ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân quận H1, thành phố H đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Tổng hợp bản án hình sự sơ thẩm số 81/2024/HS-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân quận H1, thành phố H xử phạt bị cáo Đồng Quang T 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, 09 tháng tù về tội “Huỷ hoại tài sản”; tổng hợp chung của hai tội buộc bị cáo Tú phải chấp hành là 02 năm 09 tháng tù. Bản án của Tòa án nhân dân quận H1 đã có hiệu lực pháp luật. Do vậy căn cứ theo quy định tại Điều 56 BLHS cần phải tổng hợp hình phạt chung của cả hai bản án đối bị cáo Đồng Quang T.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm: Gia đình các bị cáo Lê Thế A và Đồng Quang T và đại diện hợp pháp của bị hại đã cung cấp chứng cứ bao gồm: Tại giấy biên nhận ngày 12/8/2024 thể hiện ông Lê Duy Anh và bà Phạm Thị T1 (bố, mẹ đẻ của các bị cáo Lê Thế A và Đồng Quang T) đã giao cho ông, bà Lương Mạnh C1, Nguyễn Thị M1 (đại diện hợp pháp của bị hại) số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và cam kết không yêu cầu bồi thường gì thêm. Do vậy, HĐXX cần xem xét ghi nhận trong bản án.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với các bị cáo Lê Thế A, Đồng Quang T, Trần Khánh D và Nguyễn Khánh D1.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thế A, Đồng Quang T, Trần Khánh D và Nguyễn Khánh D1 về việc xin giảm hình phạt, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt và cho các bị cáo như sau:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thế A, Đồng Quang T phạm tội “Giết người”. Các bị cáo Trần Khánh D, Nguyễn Khánh D1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 58, 91, 101 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Thế A, Đồng Quang T; Áp dụng thêm các Điều 55, 56 và khoản 5 Điều 65, Điều 104 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thế A.

1.1. Xử phạt bị cáo Lê Thế A 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù tại Bản án số 194/2021/HS-ST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân quận N1, thành phố H, buộc bị cáo Lê Thế A phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 08 (tám) năm tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 8 năm 2023.

1.2. Xử phạt bị cáo Đồng Quang T 10 (mười) năm tù. Tổng hợp Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2024/HS-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân quận H1, thành phố H đã xử phạt bị cáo Đồng Quang T 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, 09 (chín) tháng tù về tội “Huỷ hoại tài sản”; tổng hợp chung của hai tội buộc bị cáo Tú phải chấp hành là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù.

Buộc bị cáo Đồng Quang T phải chấp hành chung của cả hai bản án là 12 (mười hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 8 năm 2023.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Khánh D, Nguyễn Khánh D1;

1.3. Xử phạt bị cáo Trần Khánh D 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án. Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Trần Khánh D cho đến khi thi hành hình phạt tù.

1.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Khánh D1 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án. Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Khánh D1 cho đến khi thi hành hình phạt tù.

2. Về biện pháp tư pháp: Ghi nhận gia đình các bị cáo Lê Thế A và Đồng Quang T đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho đại diện hợp pháp của bị hại (theo giấy biên nhận ngày 12/8/2024).

3. Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.
4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
- Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp. H;
- VKSND tp. H;
- Cơ quan CSĐT - Công an tp. H;
- Cục THADS tp. H;
- Sở Tư pháp tp. H;
- Trại tạm giam - Công an tp. H;
- Các bị cáo (qua trại và theo đ/c);
- Người tham gia tố tụng khác (theo đ/c);
- Lưu HS, P.HC-TP TANDCC tại Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn

